

# ĐỀ CƯƠNG LÝ THUYẾT THUẾ

## I- DẠNG CÂU HỎI TRÌNH BÀY- CHO VÍ DỤ

**CÂU 1: Nêu phương pháp xác định thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu. Cho ví dụ minh họa:**

**Trả lời:**

Căn cứ để xác định thuế GTGT đối với hàng nhập khẩu là:

Thuế GTGT hàng nhập khẩu = Giá tính thuế GTGT hàng nhập khẩu x thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu.

**Trong đó:**

- **Giá tính thuế GTGT hàng nhập khẩu** = Giá nhập khẩu tại cửa khẩu + Thuế Nhập khẩu (nếu có) + Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) + Thuế bảo vệ môi trường (nếu có).
- **Thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu:** Tùy theo từng mặt hàng khi nhập khẩu mà xác định thuế suất thuế GTGT là 5% hoặc 10%.

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu thì giá tính thuế GTGT là giá nhập khẩu cộng với thuế nhập khẩu phải nộp sau khi đã được thuế miễn, giảm.

**Cho ví dụ minh họa:**

Công ty ABC có nhập khẩu 1 lô hàng hóa A, có giá trị nhập khẩu tại cửa khẩu là 25.000 USD, Tỷ giá tại ngày nhập khẩu là: 20.000, Hàng hóa A phải chịu thuế nhập khẩu 10%, không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường. Thuế GTGT của hàng nhập khẩu là 10%. Hàng hóa không chịu thuế bảo vệ môi trường.

**Khi đó xác định thuế GTGT nhập khẩu của lô hàng hóa A như sau:**

Thuế GTGT hàng nhập khẩu = Giá tính thuế GTGT hàng nhập khẩu x Thuế suất thuế nhập khẩu.

Giá tính thuế GTGT hàng nhập khẩu = Giá trị hàng hóa nhập khẩu tại cửa khẩu + Thuế nhập khẩu + Thuế Tiêu thụ đặc biệt (nếu có) + Thuế bảo vệ môi trường.

**Ta có:**

Giá trị hàng nhập khẩu =  $25.000 \times 20.000 = 500$  triệu đồng.

Thuế Nhập khẩu = Giá trị hàng nhập khẩu tại cửa khẩu x thuế suất thuế nhập khẩu

=  $500$  triệu đồng x 10%

=  $50$  triệu.

Thuế tiêu thụ đặc biệt =  $0$  do lô hàng hóa A không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt

Thuế bảo vệ môi trường =  $0$  do lô hàng hóa A không chịu thuế bảo vệ môi trường.

Vậy khi đó ta có

Giá tính thuế GTGT hàng nhập khẩu =  $500$  triệu +  $50$  triệu =  $550$  triệu đồng.

+ Ta có thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu của lô hàng A là 10%.

Vậy thuế GTGT hàng nhập khẩu của lô hàng A =  $550$  triệu x 10%

=  $55$  triệu đồng.

**CÂU 2: Nêu các trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, cho ví dụ minh họa?**

**+ Các trường hợp không đúng nguyên tắc:**

- Thuế GTGT đầu vào của HHDV dùng để sản xuất HHDV không thuộc diện chịu thuế GTGT thì không được khấu trừ.

+ **Ví dụ minh họa:** Doanh nghiệp A mua máy móc thiết bị phục vụ cho việc sản xuất muối thì tiền thuế GTGT của việc mua máy móc thiết bị đó không được khấu trừ đầu vào.

- Thuế GTGT đầu vào dùng chung cho hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT phân bổ sai quy định thì không được khấu trừ.

+ **Ví dụ minh họa:** Trong kỳ doanh nghiệp có số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ là  $100$ tr, doanh thu tính thuế GTGT là  $1$  tỷ, Doanh thu không chịu thuế GTGT là  $1$  tỷ. Doanh nghiệp phân bổ số thuế GTGT đầu vào phân bổ được khấu trừ là  $60$  tr. Như vậy

*doanh nghiệp đã phân bổ sai, Doanh nghiệp chỉ được khấu trừ 50tr và không được khấu trừ là 50tr.*

- Thuế GTGT đầu vào của cơ sở SXKD nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.
- Hóa đơn GTGT đầu vào sử dụng không đúng quy định như:
  - o Không ghi thuế suất thuế GTGT (trừ trường hợp đặc thù).
  - o Hóa đơn không ghi hoặc ghi không đúng một trong các tiêu chí như tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán (người mua) nên không xác định được người bán (người mua).
  - o Hóa đơn chứng từ nộp thuế GTGT giả, hóa đơn bị tẩy xóa, hóa đơn không (không có dịch vụ hàng hóa kèm theo)
  - o Hóa đơn ghi không đúng giá trị thực tế hhdv mua bán, trao đổi.
- Thuế GTGT đầu vào của số lượng hàng hóa hao hụt vượt định mức hao hụt theo quy định. Ví dụ hao hụt của xăng, dầu..
- Tài sản cố định là ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống (trừ ô tô sử dụng vào kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, kinh doanh du lịch, khách sạn; ô tô dùng để làm mẫu và lái thử cho kinh doanh ô tô) có trị giá vượt trên 1,6 tỷ đồng (giá chưa có thuế GTGT) thì số thuế GTGT đầu vào tương ứng với phần trị giá vượt trên 1,6 tỷ đồng không được khấu trừ.
- Thuế GTGT đầu vào của TSCĐ, máy móc thiết bị của Tổ chức tín dụng, DN kinh doanh tái bảo hiểm, bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh chứng khoán, cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở đào tạo.
- Thuế GTGT đầu vào của TSCĐ sản xuất vũ khí, khí tài phục vụ an ninh quốc phòng.
- Thuế GTGT đầu vào của tàu bay, du thuyền không dùng cho kinh doanh vận tải, du lịch, khách sạn.
- Thuế GTGT của hhdv đầu vào bỏ sót chưa kê khai, đã kê khai bổ sung sau khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

**+ Các trường hợp không đáp ứng điều kiện:**

- Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa có giá trị từng lần mua từ 20tr đồng thanh toán không dùng tiền mặt.

- Thuế GTGT đầu vào dùng chung cho hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế và không chịu thuế GTGT nhưng phân bổ sai quy định của pháp luật.
- Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa vật tư tồn thất đã xác định được trách nhiệm bồi thường.
- 

**CÂU 3: Quy định về kê khai, nộp thuế GTGT đối với các cơ sở trực thuộc như thế nào? Cho ví dụ minh họa.**

**Trường hợp 1:** Cơ sở sản xuất kinh doanh cùng tỉnh với trụ sở chính: Kê khai nộp thuế GTGT tại trụ sở chính

**Trường hợp 2:** Cơ sở sản xuất kinh doanh khác tỉnh với trụ sở chính.

**a. Nếu cơ sở sản xuất trực thuộc có hạch toán kê toán:**

- Phải đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ tại địa phương nơi sản xuất;
- Khi điều chuyển bán thành phẩm hoặc thành phẩm, kể cả xuất cho trụ sở chính phải sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng làm căn cứ kê khai, nộp thuế tại địa phương nơi sản xuất.

**b. Nếu cơ sở sản xuất trực thuộc không thực hiện hạch toán kê toán:**

- Người nộp thuế thực hiện khai thuế tại trụ sở chính và nộp thuế GTGT vãng lai cho các địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc.
- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp cho các địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc được xác định theo tỷ lệ 2% (đối với hàng hóa chịu thuế suất thuế GTGT 10%) hoặc theo tỷ lệ 1% (đối với hàng hóa chịu thuế suất thuế GTGT 5%) trên doanh thu theo giá chưa có thuế GTGT của sản phẩm sản xuất ra.
- Việc xác định doanh thu của sản phẩm sản xuất ra được xác định trên cơ sở giá thành sản phẩm hoặc doanh thu của sản phẩm cùng loại tại địa phương nơi có cơ sở sản xuất.
- Nếu tổng số thuế giá trị gia tăng phải nộp cho các địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc do người nộp thuế xác định theo nguyên tắc nêu trên lớn hơn số thuế giá trị gia tăng phải nộp của người nộp thuế tại trụ sở chính thì người nộp thuế tự phân bổ số thuế phải nộp cho các địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc như sau:
- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp cho địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc được xác định bằng (=) số thuế giá trị gia tăng phải nộp của người nộp thuế tại trụ sở chính nhân (x) với tỷ lệ (%) giữa doanh thu theo giá chưa có thuế giá trị gia tăng của sản phẩm

do cơ sở trực thuộc sản xuất ra hoặc sản phẩm cùng loại tại địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc trên tổng doanh thu theo giá chưa có thuế giá trị gia tăng của sản phẩm sản xuất ra của toàn doanh nghiệp.

- Nếu người nộp thuế không phát sinh số thuế phải nộp tại trụ sở chính thì người nộp thuế không phải nộp thuế cho các địa phương nơi có cơ sở sản xuất.
- **Ví dụ:** Doanh nghiệp A tại Hà Nội có cơ sở sản xuất tại Hưng Yên, Doanh thu bán hàng của công ty là 500 triệu trong đó doanh thu của hàng sản xuất tại Hưng Yên là 300 triệu. Thuế GTGT của mặt hàng này là 10%.
- **Ví dụ:** Thuế GTGT phải nộp tại trụ sở chính trên tờ khai thuế là 10 triệu.
- + Thuế GTGT phải nộp tại Hưng Yên là:  $300 \times 2\% = 6$  triệu.
- + Thuế GTGT phải nộp tại trụ sở chính là  $10 - 6 = 4$  triệu.
- – **Giả sử:** Thuế GTGT phải nộp tại trụ sở chính là 4 triệu.
- + Thuế GTGT phải nộp tại Hưng Yên là:  $(300/500) \times 4 = 2,4$  triệu đồng.
- + Thuế GTGT phải nộp tại trụ sở chính là:  $4 - 2,4 = 1,6$  triệu đồng
- – **Giả sử:** Thuế GTGT tại tờ khai thuế doanh nghiệp vẫn còn số thuế được khấu trừ thì doanh nghiệp không phải nộp thuế tại Hưng Yên và tại trụ sở chính.

**CÂU 4: Trình bày cách xác định thuế Tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa sản xuất trong nước? Cho ví dụ minh họa?**

Nguyên tắc: Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt, chưa có thuế GTGT và thuế bảo vệ môi trường (nếu có)

$$\text{Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt} = \frac{(\text{Giá bán hàng chưa có thuế GTGT} - \text{thuế BVMT})}{(1 + \text{thuế suất thuế TTĐB})}$$

Thuế TTĐB = Giá tính thuế TTĐB x thuế suất thuế TTĐB của từng mặt hàng.

**Cho ví dụ minh họa:**

Năm 2016, giá bán của 1 chai rượu 45 độ là 210.000 đồng chưa có thuế GTGT, thuế tiêu TTĐB là 55%.

$$\text{Giá tính thuế TTĐB} = \frac{210.000}{1,55} = 135.548 \text{ đồng}$$

**CÂU 5: Trình bày nguyên tắc xác định giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu và hàng hóa nhập khẩu? Năm 2013**

**Trả lời:**

**Nguyên tắc:**

- **Đối với hàng hóa xuất khẩu**, trị giá tính thuế xuất khẩu là giá bán tại cửa khẩu xuất (FOB, DAF) của Việt Nam, không bao gồm chi phí bảo hiểm quốc tế và chi phí vận tải quốc tế.
- **Đối với hàng hóa nhập khẩu**, Trị giá tính thuế nhập khẩu là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên Việt Nam và được xác định tuân tự theo 06 phương pháp sau đây:
  - (1): **Phương pháp 1: Trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu.**
  - (2): **Phương pháp 2: Trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu giống hệt.**
  - (3): **Phương pháp 3: Trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu tương tự.**
  - (4): **Phương pháp 4: Trị giá khấu trừ**
  - (5): **Phương pháp 2: Trị giá giao tính toán.**
  - (6): **Phương pháp 2: Trị giá theo phương pháp suy luận**

**CÂU 6: Trình bày quy định khấu trừ thuế TTĐB đối với cơ sở sản xuất sử dụng nguyên liệu đã chịu thuế TTĐB để sản xuất hàng hóa chịu thuế TTĐB. Cho ví dụ minh họa?**

- Người nộp thuế sản xuất hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bằng các nguyên liệu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp đối với nguyên liệu nhập khẩu hoặc đã trả đối với nguyên liệu mua trực tiếp từ cơ sở sản xuất trong nước khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp.
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ tương ứng với số thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên liệu đã sử dụng để sản xuất hàng hóa bán ra.
- Số thuế TTĐB chưa khấu trừ hết trong kỳ thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo.

- Đối với trường hợp nhập khẩu nguyên liệu chịu thuế TTĐB để sản xuất hàng hoá chịu thuế TTĐB thì chứng từ để làm căn cứ khấu trừ thuế TTĐB là chứng từ nộp thuế TTĐB khâu nhập khẩu.
- **Đối với trường hợp mua nguyên liệu trực tiếp của nhà sản xuất trong nước:**
  - Hợp đồng mua bán hàng hoá, trong hợp đồng phải có nội dung thể hiện hàng hoá do cơ sở bán hàng trực tiếp sản xuất; Bản sao Giấy chứng nhận kinh doanh của cơ sở bán hàng (có chữ ký, đóng dấu của cơ sở bán hàng);
  - Chứng từ thanh toán qua ngân hàng;
  - Chứng từ để làm căn cứ khấu trừ thuế TTĐB là hoá đơn GTGT khi mua hàng. Số thuế TTĐB mà đơn vị mua hàng đã trả khi mua nguyên liệu được xác định = giá tính thuế TTĐB nhân (x) thuế suất thuế TTĐB;

Số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ tương ứng với số thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên liệu đã sử dụng để sản xuất hàng hóa bán ra.

Việc khấu trừ tiền thuế tiêu thụ đặc biệt được thực hiện khi kê khai thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số thuế TTĐB} \\ \text{phải nộp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số thuế TTĐB phải} \\ \text{nộp của hàng hoá chịu} \\ \text{thuế TTĐB tiêu thụ} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số thuế TTĐB đã nộp hoặc đã trả ở} \\ \text{khâu nguyên liệu mua vào tương ứng} \\ \text{với số hàng hoá tiêu thụ trong kỳ} \end{array}$$

*Ví dụ minh họa:*

Trong kỳ kê khai thuế, cơ sở A phát sinh các nghiệp vụ sau:

+ Nhập khẩu 10.000 lít rượu nước, đã nộp thuế TTĐB khi nhập khẩu 250 triệu đồng (căn cứ biên lai nộp thuế TTĐB ở khâu nhập khẩu).

+ Xuất kho 8.000 lít để sản xuất 12.000 chai rượu.

+ Xuất bán 9.000 chai rượu, số thuế TTĐB phát sinh khi xuất bán của 9.000 chai rượu xuất bán là 350 triệu đồng.

+ Số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nhập khẩu nước rượu phân bổ cho 9.000 chai rượu đã bán ra là 150 triệu đồng.

Số thuế TTĐB cơ sở A phải nộp trong kỳ là:

350 triệu đồng - 150 triệu đồng = 200 triệu đồng.

**CÂU 7: Trình bày khái quát quy định về giá tính thuế TTĐB đối với các dịch vụ chịu thuế TTĐB. Cho ví dụ minh họa?**

- Nguyên tắc chung của giá tính thuế TTĐB đv là giá bán ra chưa bao gồm thuế TTĐB, thuế BVMT (nếu có) thuế GTGT
- Giá tính thuế TT ĐB = (Giá dịch vụ bán ra chưa bao gồm thuế GTGT)/(1+ thuế suất thuế TTĐB)

Một số dịch vụ cụ thể:

- (1) **Đối với kinh doanh gôn:** Giá tính thuế TTĐB là doanh thu chưa có thuế GTGT về bán thẻ hội viên, bán vé chơi gôn, bao gồm cả tiền bán vé tập gôn, tiền bảo dưỡng sân cỏ, hoạt động cho thuê xe (buggy) và thuê người giúp việc trong khi chơi gôn (caddy), tiền ký quỹ (nếu có) và các khoản thu khác do người chơi gôn, hội viên trả cho cơ sở kinh doanh gôn. Trường hợp cơ sở kinh doanh gôn có kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ khác không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB như: khách sạn, ăn uống, bán hàng hóa, hoặc các trò chơi thì các hàng hóa, dịch vụ đó không phải chịu thuế TTĐB.

- (2) **Đối với kinh doanh ca-si-nô,** trò chơi điện tử có thưởng, giá tính thuế TTĐB là doanh thu từ kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng trừ (-) đi số tiền trả thưởng cho khách hàng.

- (3) **Đối với kinh doanh đặt cược** giá tính thuế TTĐB là doanh thu bán vé đặt cược đã trừ tiền trả thưởng.

- (4) **Đối với kinh doanh vũ trường,** mát-xa và ka-ra-ô-kê, giá tính thuế TTĐB là doanh thu của các hoạt động trong vũ trường, cơ sở mát-xa và ka-ra-ô-kê bao gồm cả doanh thu của dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác đi kèm.

- (5) **Đối với kinh doanh xổ số** giá tính thuế TTĐB là doanh thu bán vé các loại hình xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.



Ví dụ minh họa:

**CÂU 8: Trình bày cách thức kê khai nộp thuế TTĐB đối với hoạt động gia công hàng hóa?  
Cho ví dụ minh họa?**

Đối với Hoạt động gia công: Thì bên nhận gia công và bên giao gia công đều phải kê khai thuế TTĐB.

- (1) Bên nhận gia công **phải kê khai và nộp thay thuế** TTĐB cho bên giao gia công khi xuất trả hàng gia công.
  - Thời điểm kê khai: **Theo tháng** đối với đơn vị sxkd, kê khai **theo từng lần** phát sinh đối với hàng mua để xuất khẩu sau đó không xuất khẩu được đem bán trong nước.
  - Thời hạn nộp: Theo tháng là chậm nhất 20 ngày của tháng kế tiếp, và đối với từng lần phát sinh là chậm nhất 10 ngày kể từ ngày phát sinh bán.
  - Cơ sở nhận gia công khi lập tờ khai nộp tại cơ quan quản lý thuế của đơn vị phải chuyển cho cả Cơ quan quản lý thuế của đơn vị đưa gia công.
- (2) Bên giao gia công phải kê khai và nộp thuế TTĐB khi tiêu thụ hàng hóa. Nếu có chênh lệch tăng về số lượng hay về giá so với số lượng và giá bên nhận gia công đã nộp thay thì nộp bổ sung phần chênh lệch, nếu thấp hơn thì hoàn thuế.

**CÂU 10: Trình bày cách thức kê khai nộp thuế GTGT đối với hoạt động đại lý bán hàng hóa, dịch vụ?**

- Đại lý bán hàng hóa dịch vụ bán đúng giá:
  - + Trong một số trường hợp đặc biệt: Đại lý bưu chính, viễn thông, bán vé xổ số, vé máy bay, ô tô, tàu hỏa, tàu thủy; đại lý vận tải quốc tế; đại lý của các dịch vụ ngành hàng không, hàng hải mà được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% thì **Bên nhận đại lý không phải kê khai tính nộp thuế GTGT**
  - + Các trường hợp khác thì bên nhận đại lý phải khai thuế GTGT đối với hoa hồng mà bên nhận đại lý được hưởng. Kỳ khai thuế là tháng/quý tùy theo quy mô doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Và không phải kê khai đối với hàng hóa mà đại lý bán đúng giá.
  - + Trường hợp đại lý bán đúng giá bán hàng hóa không đúng giá thì đơn vị nhận đại lý phải kê khai thuế GTGT như mua bán hàng hóa thông thường.

- Đại lý bán hàng hóa dịch vụ bán không đúng giá:

**CÂU 11: Trình bày quy định chung về doanh thu tính thuế TNDN và trường hợp đặc thù sau: Kinh doanh BDS, Cho thuê tài sản?**

Trả lời:

- **Quy định chung về doanh thu tính thuế TNDN:** là **toàn bộ doanh thu** bán hàng hóa, doanh thu gia công, doanh thu dịch vụ đã cung cấp **bao gồm** cả khoản **trợ giá, phụ thu phụ trội** mà doanh nghiệp được hưởng, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa.
  - Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu tính thuế TN DN là doanh thu chưa bao gồm thuế GTGT.
  - Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu tính thuế TNDN là doanh thu đã bao gồm thuế GTGT.
  - Trường hợp doanh nghiệp có kinh doanh dịch vụ thu tiền trước nhiều năm thì doanh thu tính thuế được phân bổ cho số năm trả tiền trước hoặc tính trên số tiền trả tiền một lần. Đối với trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian ưu đãi thuế thì doanh thu tính thuế được phân bổ cho số năm trả tiền trước.
- **Thời điểm xác định doanh thu tính thuế TNDN:**
  - Đối với **hàng hóa** là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, sử dụng hàng hóa không quan trọng đã thu tiền hay chưa.
  - Đối với **hoạt động cung ứng dịch vụ** là thời điểm **hoàn thành** việc cung ứng dịch vụ hoặc là **thời điểm lập hóa đơn** cung ứng dịch vụ. Trường hợp thời điểm lập hóa đơn xảy ra trước thời gian hoàn thành việc cung ứng dịch vụ thì thời điểm xác định doanh thu là thời điểm lập hóa đơn.
  - Đối với **hoạt động vận tải** là thời điểm hoàn thành dịch vụ giao nhận.
  - Đối với các hoạt động kinh doanh khác thời điểm theo quy định của pháp luật.

© **Nguyên tắc xác định doanh thu của trường hợp kinh doanh bất động sản:** Doanh thu được xác định theo giá thực tế tại thời điểm chuyển nhượng BDS. Trường hợp giá chuyển quyền sử dụng đất thấp hơn giá đất do UBND cấp tỉnh quy định thì tính theo giá do UBND cấp tỉnh quy định tại thời điểm chuyển nhượng BDS.

- Thời điểm xác định doanh thu tính thuế là thời điểm bên bán bàn giao BĐS, không phụ thuộc việc bên mua đã đăng ký quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất, xác lập quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Trường hợp được nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyên nhượng hoặc cho thuê, DN có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ xác định doanh thu tính thuế TNDN tạm nộp theo thời điểm thu tiền của khách hàng.

- DN có thu tiền của khách hàng và đã xác định được chi phí tương ứng với doanh thu thì kê khai nộp thuế TNDN tạm nộp theo doanh thu trừ chi phí. Trường hợp chưa xác định được chi phí tương ứng với doanh thu thì kê khai tạm nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 2% trên doanh thu thu được tiền (doanh thu này chưa phải tính vào doanh thu tính thuế TNDN trong năm). Khi bàn giao BĐS, DN quyết toán lại số thuế TNDN phải nộp.

☺ **Đối với hoạt động cho thuê tài sản:** Hoạt động cho thuê tài sản, doanh thu tính thuế là số tiền bên thuê trả từng kỳ theo hợp đồng thuê. Trường hợp bên thuê trả tiền trước cho nhiều năm thì doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được phân bổ cho số năm trả trước hoặc xác định theo doanh thu trả tiền 1 lần

Doanh nghiệp căn cứ vào điều kiện thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và xác định chi phí, doanh nghiệp lựa chọn một trong 2 phương pháp xác định doanh thu sau: (i) Toàn bộ số tiền bên thuê trả trước; (ii) Số tiền bên thuê trả trước chia cho số năm trả tiền trước. Trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian hưởng ưu đãi thuế và doanh nghiệp lựa chọn xác định doanh thu tính thuế là toàn bộ số tiền bên thuê trả trước thì việc xác định số thuế được ưu đãi phải căn cứ vào tổng số thuế TNDN của năm trả tiền trước chia cho số năm trả tiền trước.

**CÂU 12: Trình bày khái quát quy định về xác định chi phí được trừ khi tính thuế TNDN. Cho ví dụ minh họa?**

- Chi phí được trừ phải là khoản chi thỏa mãn cả **03 điều kiện** và không nằm trong các khoản chi không được trừ theo quy định của pháp luật.
  - Khoản chi thực tế phát sinh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
  - Khoản chi có đủ hóa đơn chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật

- Khoản chi nếu có hoá đơn mua HHDV từng lần có giá trị từ 20trđ trở lên (bao gồm cả thuế GTGT) khi thanh toán phải có **chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt**.
- Các khoản chi phí không được trừ thường có những đặc điểm sau đây
  - Nhóm 1: Vượt mức khống chế theo quy định của pháp luật:
    - Trích khấu hao TSCĐ vượt mức quy định hiện hành về chế độ quản lý và sử dụng TSCĐ.
    - Chi trang phục người lao động vượt quá 5trđ/người.
    - Chi vượt mức 1trđ/người/tháng trích nộp quỹ hưu trí tự nguyện, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động.
    - Khoản vay không phải của các TCTD vượt mức lãi suất cơ bản 150% do ngân hàng NN ban hành tại thời điểm vay
    - Khoản chi phúc lợi vượt 1 tháng lương bình quân thực hiện của DN.
    - Khấu hao đối với xe ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống đối với phần nguyên giá vượt trên 1,6 tỷ không kinh doanh ngành nghề du lịch, khách sạn, vận tải.
    - Chi thuê quản lý kinh ngành nghề casino, trò chơi có thưởng vượt quá 4% doanh thu.
  - Nhóm 2: Do các nguồn kinh phí khác thực hiện như:
    - Chi từ các quỹ phát triển khoa học và công nghệ
    - Chi ốm đau thai sản do BHXH chi trả
    - Chi sự nghiệp
  - Nhóm 3: Không thoả mãn quy định cụ thể của cơ quan có thẩm quyền:
    - Chi lãi vay còn thiếu so với tiến độ góp vốn điều lệ
    - Chi thiên tai, hoả hoạn đã được bồi thường
    - Khắc phục hậu quả thiên tai không đúng quy định
    - Chi tài trợ cho y tế, giáo dục, nghiên cứu khoa học, làm nhà cho người nghèo không đúng đối tượng.
    - Trích lập dự phòng.
  - Nhóm 4: Các khoản chi mà nhà nước không khuyến khích hoặc vi phạm pháp luật:
    - Phạt vi phạm hành chính về : giao thông, chế độ kế toán, đăng ký kinh doanh, về thuế bao gồm cả tiền chậm nộp thuế theo qđ của PL.

**CÂU 13. Phân tích các điều kiện xác định chi phí được trừ. Cho ví dụ minh họa.**

- Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp:
  - o Thực sự phải có nghĩa vụ chi trả.
  - o Cần thiết để hoạt động kinh doanh bình thường
- Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật: Là hóa đơn chứng từ được tạo lập, quản lý và sử dụng đúng quy định của pháp luật
- Khoản chi nếu có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt:
  - o Bao gồm hóa đơn bán hàng và hóa đơn GTGT,
  - o thanh toán không dùng tiền mặt là thanh toán qua ngân hàng và các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt khác do ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định như bù trừ, trừ công nợ, qua bên thứ 3, ủy quyền.

**CÂU 14: Trình bày khái quát cách xác định TNCT cá nhân đối với thu nhập nhận được từ nước ngoài. Cho ví dụ?**

- Đối với khoản thu nhập nhận từ nước ngoài chia làm 02 trường hợp:
  - o Thu nhập từ nước đã ký hiệp định tránh thuế 02 lần Việt Nam: Đối với khoản thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của dự án đầu tư tại nước đã ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam, DN kê khai và nộp thuế theo quy định tại Hiệp định.
  - o Thu nhập từ nước chưa ký hiệp định tránh đánh thuế 02 lần với Việt Nam. Trường hợp cá nhân cư trú có thu nhập phát sinh tại nước ngoài đã tính và nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của nước ngoài thì được trừ số thuế đã nộp ở nước ngoài. Số thuế **được trừ không vượt quá** số thuế phải nộp **tính theo biểu thuế của Việt Nam tính phân bổ cho phần thu nhập phát sinh tại nước ngoài**. Tỷ lệ phân bổ được xác định bằng tỷ lệ giữa số thu nhập phát sinh tại nước ngoài và tổng thu nhập chịu thuế.

Ví dụ:

Trong năm 2014, Mr X đc xác định là cá nhân cư trú ở VN, có thu nhập chịu thuế từ tiền lương tiền công ở VN là 300 triệu/năm, ở Pháp là 120 triệu/năm (thuế TNCN ở Pháp có tỉ lệ 20%).

Giả sử Mr X chỉ có giảm trừ bản thân, giữa Pháp và Việt Nam đã ký hiệp định tránh đánh thuế hai lần. Tính số thuế mr X phải nộp năm 2014?

<b>Giải</b>	<b>(triệu đồng )</b>
Thu nhập chịu thuế của Mr X (120 +300)	420
Giảm trừ bản thân	(108)
Thu nhập tính thuế	312
Thu nhập tính thuế 1 tháng (312/12)	26
Số thuế nộp 1 tháng (20% x 26 – 1.65)	3.55
Số thuế nộp cả năm (3.55 x 12)	42.6
Số thuế được trừ (tránh đánh thuế 2 lần)	(12.171429)
Số thuế phải nộp năm 2014	<b>30.428.571</b>

#### **Tính (1)**

Thuế đã nộp ở Pháp:  $120 \times 20\% = 24$  (3)

Thuế tương ứng ở VN:  $42.6 \times 120/420 = 12.171429$  (4)

Ta có (1) = min { (3) và (4) }

**CÂU 15: Trình bày nguyên tắc xác định giá tính thuế GTGT và quy định về giá tính thuế GTGT trong các trường hợp: Trao đổi, tiêu dung nội bộ; bán trả góp; cho thuê tài sản thu tiền trước nhiều năm? Cho ví dụ minh họa?**

**Trả lời:**

**Nguyên tắc xác định giá tính thuế GTGT là: Giá tính thuế GTGT là giá bán không bao gồm thuế GTGT.**

**Các trường hợp cụ thể về giá tính thuế GTGT:**

+ **Trao đổi:** Đối với hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đem đi trao đổi là giá tính thuế GTGT của hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

*Ví dụ minh họa: Đơn vị A sản xuất quạt điện, dùng 50 sản phẩm quạt để trao đổi với cơ sở B lấy sắt thép, giá bán (chưa có thuế) là 400.000 đồng/chiếc. Giá tính thuế GTGT là  $50 \times 400.000$  đồng = 20.000.000 đồng.*

+ **Tiêu dùng nội bộ:** Đối với hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đem được tiêu dùng nội bộ để **tiếp tục** quá trình sản xuất kinh doanh thì không tính, nộp thuế GTGT. Nếu tiêu dùng nội bộ không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thì giá tính thuế GTGT là giá bán của hàng hóa cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh.

*Ví dụ minh họa:* Đơn vị A là doanh nghiệp sản xuất quạt điện, dùng 50 sản phẩm quạt lắp vào các phân xưởng sản xuất để phục vụ hoạt động kinh doanh của đơn vị thì đơn vị A không phải tính nộp thuế GTGT đối với hoạt động xuất 50 sản phẩm quạt điện này.

+ **Bán trả góp:** Giá tính thuế đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp là giá bán trả một lần chưa có thuế GTGT của hàng hóa đó và không bao gồm tiền lãi trả góp, trả chậm.

+ **Cho thuê tài sản thu tiền trước nhiều năm:** Giá tính thuế là tiền thuê trả trước nhiều năm chưa bao gồm thuế GTGT.

## CÂU 16: Trình bày cách thức và thời hạn kê khai thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế TNDN

### Về thuế GTGT

- **Cách thức kê khai thuế GTGT:**

- Tờ khai thuế GTGT được kê khai theo tháng (DT > 50 tỷ) hoặc kê khai theo Quý (DT ≤ 50 tỷ) tùy theo quy định về kỳ kê khai của doanh nghiệp.
- Khi kê khai thuế GTGT đơn vị phải xác định số thuế GTGT đầu ra trong kỳ theo bảng kê 01 và số thuế GTGT đầu vào trong kỳ theo bảng kê 02. Lập tờ khai thuế GTGT để xác định số thuế phải nộp hoặc được khấu trừ chuyển kỳ sau.

- **Thời hạn kê khai**

- Tờ khai thuế GTGT theo tháng: Nộp tờ khai và thuế chậm nhất vào ngày 20 của tháng tiếp theo.
- Tờ khai thuế GTGT theo Quý: Nộp tờ khai và thuế chậm nhất vào ngày 30 của tháng tiếp theo.

### Về thuế TNDN

- **Cách thức kê khai thuế TNDN:**

- Hàng quý: Căn cứ vào kết quả kinh doanh, DN tạm nộp số tiền thuế TNDN của quý nếu có phát sinh
- Hàng năm:

- Nộp báo cáo tài chính năm
  - Tờ khai quyết toán thuế TNDN theo mẫu quy định
  - Các phụ lục khác nếu có
- Thời hạn kê khai
    - Hàng quý: Chậm nhất vào ngày thứ 30 của quý tiếp theo phát sinh nghĩa vụ thuế
    - Năm: Chậm nhất vào ngày thứ 90 của kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính

### **Về thuế TTĐB:**

- Cách thức kê khai thuế TTĐB
  - Kê khai theo tháng
  - Kê khai theo từng lần phát sinh đối với hàng hoá mua vào để xuất khẩu nhưng tiêu thụ trong nước.
- Hồ sơ kê khai
  - Tờ khai thuế TTĐB
  - Bảng kê hoá đơn bán HHDV bán ra chịu thuế TTĐB
  - Bản kê hoá đơn mua vào HHDV mua vào chịu thuế TTĐB
- Thời hạn kê khai
  - Nộp tờ khai và thuế chậm nhất vào ngày 20 của tháng tiếp theo
  - Theo từng lần phát sinh: Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế và tiền thuế chậm nhất là ngày thứ mười (10) kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế.

**CÂU 18: Sau khi nộp hồ sơ khai thuế, NNT có được nộp hồ sơ bổ sung khai thuế không? Cho ví dụ minh họa.**

- Đối với thuế nội địa: Được kê khai bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định thanh tra kiểm tra tại trụ sở của doanh nghiệp.
- Đối với hàng nhập khẩu, xuất khẩu: Được kê khai bổ sung trong thời gian 60 ngày kể từ ngày thông quan và trước khi cơ quan hải quan công bố quyết định kiểm hóa/hoặc quyết định thanh tra, kiểm tra.

**CÂU 19: Trình bày quy định về giá tính thuế tài nguyên. Cho ví dụ minh họa?**



- Giá tính thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên của tổ chức, cá nhân khai thác chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng nhưng không được thấp hơn giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh quy định
- Trường hợp giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên thấp hơn giá tính thuế TN do UBND tỉnh quy định thì tính thuế TN theo giá do UBND cấp tỉnh quy định.
- Trường hợp sản phẩm TN được vận chuyển đi tiêu thụ, trong đó chi phí vận chuyển, giá bán sản phẩm tài nguyên được ghi nhận riêng trên hoá đơn thì giá tính thuế TN là giá bán không bao gồm chi phí vận chuyển.

**CÂU 20: Trình bày cách xác định thuế tài nguyên đối với dầu thô**

Xem thông tư 36/2016/TT-BTC

**CÂU 21: Trình bày các trường hợp miễn thuế tài nguyên**

- Các trường hợp được miễn thuế tài nguyên được quy định như sau
  - o Đối với hải sản tự nhiên
  - o Đối với cành, ngọn, lá, củi, tre, trúc, nứa, mai, giang, tranh, vầu, lồ ô do cá nhân được phép khai thác phục vụ sinh hoạt
  - o Đối với nước thiên nhiên dùng cho hoạt động sản xuất thủy điện dùng để phục vụ sinh hoạt hộ gia đình, cá nhân
  - o Đối với nước thiên nhiên do hộ gia đình các nhân khai thác phục vụ sinh hoạt.
  - o Đối với đất
    - Khai thác phục vụ tại chỗ trên diện tích được giao, cho thuê;
    - Đất giao khai thác để san lấp, xây dựng công trình an ninh, quân sự, đặc biệt.
    - Đất khai thác phục vụ tại chỗ bao gồm cát, đá, sỏi có lẫn trong đất nhưng không xác định được cụ thể từ chất và được sử dụng ở dạng thô để san lấp, xây dựng công trình. Trường hợp vận chuyển đi nơi khác để sử dụng hoặc bán thì phải nộp thuế theo quy định.
  - o Trường hợp khác được miễn thuế TN, bộ tài chính chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và báo các Chính phủ để trình lên Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định

## II. DẠNG LIÊN KẾT CÁC SẮC THUẾ

**CÂU 1: Những khoản tiền nào doanh nghiệp chi trả hoặc thanh toán cho cá nhân không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN nhưng vẫn phải tính thuế TNCN?  
Năm 2012**

- Từ tiền lương tiền công nhưng không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp. Không tính thuế TNDN nhưng vẫn tính thuế TNCN.
- Tiền lương tiền công của chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ CT TNHH MTV ( 1 cá nhân làm chủ).
- Thù lao cho các sáng lập viên, thành viên hội đồng thành viên, hội đồng quản trị mà những người này không trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh.
- Tiền lương phải trả nhưng chưa trả (vượt mức dự phòng hoặc đến thời điểm xác định thuế TNDN nhưng chưa chi trả)
- Các khoản tiền thưởng/các khoản có tính chất tiền lương tiền công nhưng không được quy định cụ thể tại hdlđ, quy chế tiền lương tiền công, quy chế quản lý tài chính...
- Chi trang phục vượt mức quy định
- Thưởng sáng kiến mà không có hội đồng nghiệm thu hoặc không được cơ quan nhà nước công nhận ( bằng sáng chế)
- Lãi vay vượt mức khống chế mà DN trả cho người lao động vượt 150% lãi suất cơ bản do NHNN công bố
- Trả cổ tức cho cá nhân- người lao động.
- Các khoản chi phí, công tác phí vượt mức quy định
- Chi phí lưu trú vượt mức quy định (tối đa 1,5)

**CÂU 2: Những khoản tiền nào doanh nghiệp chi trả hoặc thanh toán cho cá nhân được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN nhưng không phải tính thuế TNCN?**

- Tiền lương tiền công trả tăng thêm vào các ngày nghỉ lễ, chủ nhật
- Các khoản phụ cấp độc hại, đặc thù nghề nghiệp, phụ cấp thu hút , phụ cấp khu vực.
- Khoản tiền ăn giữa ca theo quy định của bộ LĐTBXH.
- Tiền bồi thường bảo hiểm sức khoẻ
- Phụ cấp lưu trú trong mức quy định, khoản chi công tác phí hoặc điện thoại.
- Khoản tiền mua vé máy bay khứ hồi của người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam , người lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài 1 năm 1 lần.

- Khoản tiền học phí cho con của người lao động nước ngoài ở VN học tại VN, người VN lao động ở nước ngoài học ở NN theo bậc học từ mầm non đến trung học phổ thông.
- Hỗ trợ hiếu hỉ tiền, bệnh hiểm nghèo nhưng không vượt quá mức quy định.
- Khoản chi công ty công tác phí, điện thoại trong mức quy định của doanh nghiệp.
- Tiền trang phục tốt đa 5trđ/người/năm.
- Tiền nhà trả thay vượt trên 15% thu nhập chịu thuế mà DN chi trả.
- Tiền bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

**CÂU 3: Những khoản thuế nào không được khấu trừ khi xác định thuế GTGT và cũng không được tính trừ khi tính thuế TNDN:**

- Thuế GTGT đầu vào không phục vụ cho HĐ SXKD của doanh nghiệp.
- Thuế GTGT đầu vào không hợp pháp.
- Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá dịch vụ mua vào từng lần có giá trị từ 20 trđ trở lên (bảo gồm cả thuế GTGT) không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.
- Thuế GTGT đầu vào của HHDV bị tổn thất đã xác định được trách nhiệm bồi thường hoặc đã được bảo hiểm bồi thường.
- Thuế GTGT đầu vào của cửa tàu bay, du thuyền không dùng cho kinh doanh vận chuyển du lịch, khách sạn.
- Thuế GTGT đầu vào của VTHH vượt định mức tiêu hao do DN tự quy định hoặc do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.
- Thuế GTGT đầu vào tương ứng với nguyên giá vượt trên 1,6 tỷ đồng/xe đối với ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống không sử dụng cho hđ sxkd vận chuyển, du lịch, khách sạn, làm mẫu lái thử cho kinh doanh ô tô.
- Trường hợp được đền bù/bồi thường do bị thiệt hại/tổn thất khách quan như bão lụt/thiên tai thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào và cũng không được khấu trừ khi tính thuế TNDN.

**CÂU 4: Nêu quy định về kê khai thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hoạt động gia công.**

**Thuế TTĐB**

Đối với Hoạt động gia công: Thì bên nhận gia công và bên giao gia công đều phải kê khai thuế TTĐB.

**Bên nhận gia công phải kê khai và nộp thay thuế** TTĐB cho bên giao gia công khi xuất trả hàng gia công.

- Thời điểm kê khai: **Theo tháng** đối với đơn vị sxkd, kê khai **theo từng lần** phát sinh đối với hàng mua để xuất khẩu sau đó không xuất khẩu được đem bán trong nước.
- Thời hạn nộp: Theo tháng là chậm nhất 20 ngày của tháng kế tiếp, và đối với từng lần phát sinh là chậm nhất 10 ngày kể từ ngày phát sinh bán.
- **Bên đưa gia công:** khi lập tờ khai nộp tại cơ quan quản lý thuế của đơn vị phải chuyển cho cả Cơ quan quản lý thuế của đơn vị đưa gia công.

Bên giao gia công phải kê khai và nộp thuế TTĐB khi tiêu thụ hàng hóa. Nếu có chênh lệch tăng về số lượng hay về giá so với số lượng và giá bên nhận gia công đã nộp thay thì nộp bổ sung phần chênh lệch, nếu thấp hơn thì hoàn thuế.

### **Thuế GTGT**

- Bên nhận gia công kê khai thuế GTGT đầu vào từ thu nhập của việc nhận gia công
- Bên giao gia công kê khai thuế GTGT đầu ra từ việc chi gia công
- Bên giao và nhận gia công đều kê khai thuế GTGT hàng tháng hoặc quý theo quy định của pháp luật.

**CÂU 5: Trong những trường hợp nào hàng hóa từ một doanh nghiệp sản xuất bán vào khu phi thuế quan (có đủ hồ sơ quy định) không chịu thuế TTĐB và được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.**

- Theo quy định về thuế TTĐB và thuế GTGT như sau
  - o Xe ô tô dưới 24 chỗ ngồi khi bán vào khu phi thuế quan thì phải áp dụng thuế GTGT như tiêu dùng nội địa
  - o Xe ô tô dưới 24 chỗ ngồi khi bán vào khu phi thuế quan thì vẫn tính thuế TTĐB
- Như vậy tất cả các hh từ 1 doanh nghiệp sản xuất bán vào khu phi thuế qua đều không chịu thuế TTĐB và áp dụng thuế GTGT % ngoài trừ xe ô tô dưới 24 chỗ.

**CÂU 6: Nêu nghĩa vụ kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt trong các trường hợp sau đây: (1) Khuyến mãi cho khách hàng; (2) Tiêu dùng nội bộ**

- **Khuyến mãi cho khách hàng**
  - o Thuế GTGT:

- Nếu khuyến mãi theo đúng quy định pháp luật về thương mại thì tính thuế GTGT với giá tính thuế bằng không (0)
- Nếu khuyến mại không đúng quy định pháp luật thương mại thì giá tính thuế theo mặt hàng cùng loại hoặc tương đương.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Vẫn tính thuế như tiêu dùng bình thường, giá tính thuế theo mặt hàng cùng loại hoặc tương đương
- **Tiêu dùng nội bộ**
  - Thuế GTGT:
    - Nếu tiêu dùng phục vụ cho HĐ SXKD thì không phải kê khai tính nộp thuế.
    - Nếu tiêu không phục vụ cho HĐ SXKD thì phải kê khai tính nộp thuế với giá tính thuế theo mặt hàng cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh.
  - Thuế TTĐB: Đều phải tính thuế như hh tiêu thụ nội địa. Tính theo giá bán của hh cùng loại hoặc tương đương.

**Câu 7: Hàng hóa bị tổn thất do nguyên nhân khách quan thì xử lý khấu trừ thuế GTGT và xác định chi phí được trừ tính thuế TNDN như thế nào?**

- Nếu đã xác định được trách nhiệm bồi thường hoặc đã được bảo hiểm bồi thường thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào và không được trừ vào chi phí tính thuế TNDN.
- Nếu có đầy đủ chứng từ hồ sơ theo quy định của pháp luật nhưng chưa xác định trách nhiệm bồi thường thì được khấu trừ thuế GTGT đầu vào và được trừ vào chi phí tính thuế TNDN.
- Nếu không có đầy đủ chứng từ hồ sơ theo quy định của pháp luật thì không được khấu trừ thuế GTGT và chi phí được trừ tính thuế TNDN.

### **DẠNG CÂU HỎI SO SÁNH**

**Câu 1: So sánh việc tính thuế theo phương pháp khấu trừ và theo phương pháp trực tiếp trên GTGT. Phải nêu khái niệm**

**Trả lời:**

Giống nhau: Đều tính thuế trên Giá trị gia tăng

Ví dụ: Trong cơ sở kinh doanh vàng bạc đá quý thì nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

Thuế GTGT phải nộp = Giá trị gia tăng x thuế suất thuế GTGT

STT	Tiêu chí so sánh	Phương pháp khấu trừ	Phương pháp trực tiếp
1	<b>Đối tượng áp dụng</b>	Đối tượng áp dụng phương pháp khấu trừ thuế là cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hoá đơn, chứng từ và đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động mua, bán, chế tác vàng bạc, đá quý.</li> <li>- Doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động có doanh thu hàng năm dưới 1 tỷ đồng, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế</li> </ul>
2	<b>Công thức xác định thuế GTGT</b>	Thuế GTGT phải nộp = Thuế GTGT đầu ra - Thuế GTGT đầu vào	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp trực tiếp trên GTGT</li> </ul> <p>Thuế GTGT phải nộp = Giá trị gia tăng x thuế suất thuế GTGT</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp trực tiếp trên doanh thu:</li> </ul> <p>Thuế GTGT phải nộp = Doanh thu x tỷ lệ % tính thuế GTGT</p>
3	<b>Giá tính thuế GTGT</b>	Là giá chưa có thuế GTGT	Là giá đã có thuế GTGT
4	<b>Hình thức hóa đơn</b>	Là hóa đơn GTGT	Là hóa đơn bán hàng
5	<b>Đối với hàng hóa dịch vụ xuất khẩu</b>	Thuế GTGT 0%	Không phải tính và nộp thuế GTGT
6	<b>Khấu trừ thuế GTGT đầu vào</b>	Được khấu trừ	Không được khấu trừ

**Câu 2: Doanh thu tính thuế GTGT và Doanh thu tính thuế TNDN có luôn luôn bằng nhau không? Tại sao?**

**Trả lời: Tùy vào các hoạt động kinh doanh các mặt hàng của đơn vị mà Doanh thu tính thuế GTGT và Doanh thu TN DN có thể bằng nhau hoặc không bằng nhau.**

- Về nguyên tắc xác định tính doanh thu GTGT và Doanh thu tính thuế TNDN là giống nhau.
- Doanh thu tính thuế GTGT sẽ không luôn bằng với doanh thu tính thuế TNTN với các lý do sau.
  - o Trong sắc thuế GTGT có quy định việc các đối tượng không thuộc diện chịu thuế GTGT nhưng trong sắc thuế TTDN vẫn tính doanh thu.

*Ví dụ: hoạt động kinh doanh của ngân hàng như: Hoạt động cho vay vốn, bảo lãnh cho vay*

- o Do có sự khác biệt về quy định trong việc xác định doanh thu tính thuế TNDN như: Một số hoạt động tính vào doanh thu, một số khác tính vào thu nhập khác ví dụ như: Bán TSCĐ thì tính vào thu nhập khác nhưng đối với thuế GTGT thì tính tất cả.
- o Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu thuộc **diện không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT** nhưng vẫn tính thuộc doanh thu tính thuế.
- o Đối với dịch vụ thì thuế GTGT là thời điểm xuất hóa đơn hoặc hoàn thành dv, còn thuế TNDN là thời điểm hoàn thành từng phần or toàn bộ dịch vụ.
- o Có sự khác biệt về thời điểm xác định doanh thu trong những trường hợp cụ thể
  - **Cho thuê tài sản** mà bên thuê trả tiền trước cho bên cho thuê nhiều năm thì **thuế GTGT sẽ tính toàn bộ**, nhưng thuế TNDN có 2 cách tính là tính toàn bộ hoặc bằng số tiền trả trước chia cho số năm trả trước.
  - Bán thẻ hội viên trả trước cho nhiều năm.

**Câu 4: Phân biệt trường hợp áp dụng thuế GTGT 0% với trường hợp không chịu thuế GTGT**

STT	Tiêu chí phân biệt	Thuế GTGT 0%	Không chịu thuế GTGT
1	Khấu trừ thuế GTGT	Được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nếu đáp ứng đủ điều kiện khấu trừ	Không được khấu trừ thuế GTGT
2	Kê khai tính thuế	Phải tính thuế với thuế suất 0%	Không phải phải tính thuế
3	Lý do –Đạo lý	Để hoàn thuế GTGT cho hàng	Nhà nước miễn thuế GTGT cho một số

	hóa dịch vụ xuất khẩu nhằm thực hiện nguyên tắc đánh thuế theo điểm đến	đối tượng sử dụng hàng hóa dịch vụ nhất định, chỉ miễn từ khâu sản xuất đến thành phẩm hàng đi bán.
--	---	---

**Câu 5: Phân biệt trường hợp không phải kê khai, tính và nộp thuế GTGT với không thuộc diện chịu thuế GTGT?**

Tiêu chí phân biệt	Không phải kê khai, tính và nộp thuế	Không chịu thuế GTGT
Khấu trừ thuế GTGT	Được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nếu đáp ứng đủ điều kiện khấu trừ	Không được khấu trừ thuế GTGT
Lý do –Đạo lý	<ul style="list-style-type: none"> <li>○ Không có hàng hóa dịch vụ đối ứng</li> <li>○ Không có bản chất của 1 giao dịch bán hàng (góp vốn bằng tài sản, điều chuyển TSCĐ đã sử dụng theo giá trị ghi sổ)</li> <li>○ Ngăn ngừa gian lận thuế (NNTHS chưa qua chế biến)</li> <li>○ Người bán hàng không phải là người nộp thuế GTGT</li> </ul>	Nhà nước miễn thuế GTGT cho một số đối tượng sử dụng hàng hóa dịch vụ nhất định, chỉ miễn từ khâu sản xuất đến thành phẩm hàng đi bán.

**CÂU 6: So sánh trường hợp không phải kê khai tính và nộp thuế giá trị gia tăng với trường hợp áp dụng thuế GTGT 0%**

Tiêu chí	Không phải kê khai, tính và nộp thuế	Thuế GTGT 0%
<b>Giống nhau</b>		
Nghĩa vụ nộp thuế	Số thuế phải nộp đều bằng 0	
Khấu trừ thuế GTGT	Được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nếu đáp ứng điều kiện.	



<b>Khác nhau</b>		
Lý do	<ul style="list-style-type: none"> <li>○ Không có hàng hóa dịch vụ đối ứng</li> <li>○ Không có bản chất của 1 giao dịch bán hàng (góp vốn bằng tài sản, điều chuyển TSCĐ đã sử dụng theo giá trị ghi sổ)</li> <li>○ Ngăn ngừa gian lận thuế (NNTHS chưa qua chế biến)</li> <li>○ Người bán hàng không phải là người nộp thuế GTGT</li> </ul>	Phải tính thuế với thuế suất bằng 0 Thực hiện nguyên tắc đánh thuế theo điểm đến (qua thuế suất 0% thì hoàn thuế cho HHVD xuất khẩu, nhường quyền tính thuế cho nước nhập khẩu “điểm đến”)
Nghĩa vụ kê khai	<ul style="list-style-type: none"> <li>○ Không phải kê khai</li> </ul>	Kê khai tính thuế

**CÂU 7: Phân biệt thu nhập chịu thuế và thu nhập tính thuế đối với thuế TNDN**

Công thức tính thu nhập tính thuế TNDN như sau

$$\text{TN tính thuế} = \text{TN chịu thuế} - (\text{TN miễn thuế} + \text{các khoản lỗ được KC theo quy định})$$

Qua công thức trên ta nhận thấy rằng

- Thu nhập tính thuế là 1 phần của thu nhập chịu thuế sau khi đã trừ thu nhập miễn thuế và lỗ kết chuyển theo quy định của pháp luật.
- Nếu có thu nhập miễn thuế và hoặc lỗ kết chuyển theo quy định của pháp luật thì thu nhập tính thuế luôn nhỏ hơn thu nhập chịu thuế.
- Nếu không có thu nhập miễn thuế và lỗ kết chuyển theo quy định của pháp luật thì thu nhập tính thuế bằng thu nhập chịu thuế.

**CÂU 8: So sánh thuế suất thuế GTGT và thuế TTĐB**

Định nghĩa thuế suất: Là 1 đại lượng thể hiện mức độ điều tiết trên 1 đơn vị cơ sở thuế

GTGT	TTĐB
Giống nhau	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều sử dụng thuế suất theo tỷ lệ % trên giá bán</li> <li>- Có tính lũy thoái so với thu nhập</li> </ul>	
Khác nhau	
<b>Thuế suất thuế GTGT</b>	<b>Thuế suất thuế TTĐB</b>

Thuế suất thuế GTGT thường thấp	Thuế suất thuế TTĐB thường cao
Ít mức thuế suất	Nhiều mức thuế suất
Chỉ áp dụng kiểu thuế suất theo tỷ lệ % trên giá bán	Có thể áp dụng thuế suất theo tỷ lệ % trên giá bán hoặc thuế tuyệt đối trên đơn vị vật lý của hàng hóa
Có áp dụng thuế suất 0%	Không có thuế suất 0%
Chỉ sử dụng theo thuế suất tỷ lệ % trên giá bán	sử dụng theo thuế suất tỷ lệ % trên giá bán và thuế tuyệt đối

### CÂU 9: So sánh thuế GTGT và thuế TTĐB

- Khái niệm thuế GTGT và thuế TTĐB
  - o GTGT: Là 1 sắc thuế gián thu đánh vào GTGT của HHDV phát sinh ở từng khâu trong quá trình luân chuyển từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng
  - o TTĐB: Là 1 sắc thuế đánh vào một số HHDV trong danh mục nhà nước quy định cần điều tiết sản xuất hoặc hướng dẫn tiêu dùng.
- Giống nhau:
  - o Đều là thuế tiêu dùng và là thuế gián thu. Cả 2 sắc thuế đều có tính lũy thoái so với thu nhập và cùng đánh thuế theo nguyên tắc điếm đến.
- Khác nhau

GTGT	TTĐB
Thuế thuế tiêu dùng nhiều giai đoạn 0 trùng lặp	Thuế tiêu dùng 1 giai đoạn.
Phạm vi đánh thuế rộng cho hầu hết các loại hhdv	Phạm vi đánh thuế nhỏ vào 1 ít các hhdv
Thuật suất thấp và ít mức thuế	Thuế suất cao và nhiều mức thuế

**Câu 10: So sánh việc khấu trừ thuế GTGT với việc khấu trừ thuế TTĐB cho hàng hoá sản xuất bằng nguyên liệu đã chịu thuế TTĐB?**

Chi tiêu	GTGT	TTĐB
Giống nhau		
Khấu trừ cho số tiền đã trả trong giá mua cho hhdv mua vào hoặc đã nộp ở khâu nhập khẩu thì được khấu trừ.		
Điều phải có hóa đơn, chứng từ hợp pháp		
Khác nhau		
Nguyên tắc khấu trừ	Phát sinh kỳ nào thì được khấu trừ kỳ đó, không phân biệt hàng hóa đã bán hay còn tồn kho ( không tương ứng)	Khấu trừ tương ứng với HH chịu thuế TTĐB bán ra trong kỳ
Điều kiện	Thanh toán không dùng tiền mặt đối HHDV có tổng giá mua từ 20trđ từng lần trở lên.	- Thanh toán qua ngân hàng
		- Nếu mua nội địa thì phải có bản sao của giấy CNKD của CSSX
Lý do khấu trừ	Nhằm chi tính trên GTGT khi tính thuế tiêu dùng nhiều giai đoạn không trùng lặp	Để đảm bảo chỉ đánh thuế tiêu dùng 1 giai đoạn

**Câu 11: So sánh thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân?**

- Khái niệm thuế TTDN và thuế TNCN
  - o **Thuế TNDN**: Là 1 sắc thuế trực thu đánh trực tiếp vào thu nhập của 1 pháp nhân, 1 tổ chức
  - o **Thuế TNCN**: Là 1 sắc thuế trực thu đánh trực tiếp vào thu nhập của 1 cá nhân.
- Giống nhau:
  - o Điều có sở sở thuế là thu nhập và được đánh thuế theo 1 kỳ tính thuế.
  - o Đánh thuế dựa theo nguyên tắc cư trú và nguồn phát sinh thu nhập.

- Khác nhau

TNDN	TNCN
Đánh thuế từ lợi nhuận kinh doanh và thu nhập khác	Đánh thuế từ thu nhập các nhân
Áp dụng thuế suất toàn phần	Áp dụng thuế suất lũy tiến
Khi thay đổi lãi suất, gây ít phản ứng với người nộp thuế	Khi thay đổi lãi suất, gây nhiều phản ứng với người nộp thuế

**12. So sánh trường hợp không phải kê khai, tính và nộp thuế giá trị gia tăng với trường hợp áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%**

Chỉ tiêu so sánh	Không phải kê khai tính nộp	Thuế suất GTGT 0%
<b>Giống nhau</b>		
- Số thuế phải nộp đều bằng 0		
- Thuế GTGT đầu vào đều được khấu trừ khi đáp ứng đủ điều kiện.		
<b>Khác nhau</b>		
Nghĩa vụ kê khai	Không phải kê khai	Có nghĩa vụ kê khai
Đạo lý	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có HHDV đối ứng: Bồi thường, hỗ trợ, thu hộ.</li> <li>- Không có bản chất của 1 giao dịch bán hàng: Điều chuyển tài sản nội bộ. chia tách</li> <li>- Ngăn ngừa gian lận nộp thuế.</li> <li>- Giảm thiểu thủ tục hành chính không cần thiết.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thuế cho HHDV xuất khẩu là cho giá của HHDV xuất khẩu không còn thuế GTGT.</li> <li>- Thực hiện nguyên tắc đánh thuế theo điểm đến.</li> </ul>

**CÂU HỎI DẠNG TRÌNH BÀY VÀ SUY LUẬT BỔ SUNG**

**CÂU 1:** Trình bày đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%. Ý nghĩa của thuế suất

## **GTGT 0%? Ý nghĩa hoàn thuế GTGT?**

### **Đối tượng áp dụng:**

- Là hàng hoá xuất khẩu và được coi là hàng hoá được coi là xuất khẩu theo quy định của pháp luật.
- Là dịch vụ xuất khẩu bao gồm dịch vụ cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở Việt Nam; cung ứng trực tiếp cho tổ chức cá nhân trong khu phi thuế quan và tiêu dùng trong khu phi thuế quan.
- Vận tải hàng hải quốc tế: Vận tải hành khách, hành lý, hàng hóa theo chặng Việt Nam ra nước ngoài hoặc ngược lại, điếm đi và điếm đến đều ở nước ngoài.
- Các dịch vụ của ngành hàng không hàng hải cung cấp trực tiếp cho tổ chức ở nước ngoài thông qua đại lý bao gồm:

### **Điều kiện áp dụng:** Hàng hoá dịch vụ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau.

- Phải có hợp đồng xuất khẩu, gia công hàng hoá xuất khẩu; hợp đồng uỷ thác xuất khẩu hoặc uỷ thác gia công hàng hoá xuất khẩu; hợp đồng cung ứng dịch vụ với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan.
- Phải có chứng từ thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật;
- Có tờ khai hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu.
- Riêng đối với dịch vụ sửa chữa tàu bay, tàu biển cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, để được áp dụng thuế suất 0%, ngoài các điều kiện nêu trên, tàu bay, tàu biển đưa vào Việt Nam phải làm thủ tục nhập khẩu, khi sửa chữa xong thì phải làm thủ tục xuất khẩu.

### **Ý nghĩa hoàn thuế GTGT:**

#### **Thuế suất 0%**

- Nhằm hoàn thuế cho HH xuất khẩu thực hiện nguyên tắc đánh thuế theo điếm đến. Thông qua thuế suất GTGT 0% nhằm để hoàn lại thuế GTGT đã thu trước khi hàng hóa dịch vụ

xuất khẩu qua đó làm cho giá của HHDV xuất khẩu không còn thuế GTGT. Có nghĩa là qua đó nhường quyền đánh thuế cho quốc gia nơi có hàng hóa đó tiêu dùng.

- Khuyến khích xuất khẩu hàng hóa dịch vụ vì được hoàn thuế GTGT nên giá HHDV xuất khẩu giảm đi → khuyến khích xuất khẩu.
- Thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, thúc đẩy DN thực hiện tốt chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ.

### **Hoàn thuế:**

- Theo thông lệ quốc tế.
- Ưu đãi xã hội với một số đối tượng để mua được hàng hóa nhiều hơn: Viện trợ nhận đạo, không hoàn lại.
- Nhà nước hoàn lại cho người nộp thuế số thuế đã ứng ra trả trong giá mua nhưng chưa thu lại được hoặc không thu lại được ở khâu tiêu thụ HHDV.
- Khuyến khích đầu tư phát triển vì hoàn thuế cho dự án đầu tư.

**CÂU 2: Trình bày đặc điểm của thuế GTGT? Tại sao thuế GTGT có tính lũy thoái vẫn được áp dụng phổ biến ở nhiều nước trên thế giới.**

- Đặc điểm:
  - Là 1 loại thuế gián thu đánh vào GTGT của HHDV phát sinh ở từng khâu trong quá trình luân chuyển từ sản xuất đến khâu tiêu dùng.
  - Tổng số thuế GTGT thu được qua tất cả các giai đoạn luân chuyển của HHDV bằng với số thuế tính trên giá bán của người tiêu dùng cuối cùng.
- Tại sao: Vì có các ưu điểm khác
  - Là thuế gián thu nên dễ thu cho nhà nước, ít gây phản ứng đối với người nộp thuế.
  - Bên cạnh đó thuế GTGT còn có tính độc lập kinh tế cao.
    - Thuế GTGT không chịu ảnh hưởng của KQKD của người nộp thuế, không phải là yếu tố chi phí mà chỉ đơn thuần cộng thêm 1 khoản vào giá bán cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ.
    - Người nộp thuế không thể dùng các biện pháp chia tách doanh nghiệp để tránh nộp thuế.
  - Có số thu thuế lớn và ổn định cho ngân sách nhà nước.
  - So với thuế doanh thu, thuế GTGT không đánh trùng lặp nên khuyến khích doanh thu phát triển.

**Câu 3:** Nêu các trường hợp không chịu thuế TTĐB. Xe ô tô dưới 24 chỗ ngồi doanh nghiệp sản xuất trong nước bán cho doanh nghiệp chế xuất có chịu thuế TTĐB không? Tại sao?

Các trường hợp không chịu thuế TTĐB

- Hàng hóa do cơ sở sản xuất, gia công trực tiếp xuất khẩu hoặc bán, ủy thác cho cơ sở kinh doanh khác để xuất khẩu
- Hàng hóa nhập khẩu trong các trường hợp sau
  - o Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng, quà biếu
  - o Hàng hóa quá cảnh hoặc mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam, hàng hóa chuyển khẩu
  - o Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu
  - o Hàng tạm nhập khẩu để dự hội chợ, triển lãm.
  - o Đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật về miễn trừ ngoại giao.
  - o Hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế nhập khẩu của cá nhân người Việt Nam và người nước ngoài khi xuất, nhập cảnh qua cửa khẩu Việt Nam.
  - o Hàng nhập khẩu để bán miễn thuế tại các cửa hàng bán hàng miễn thuế theo quy định của pháp luật
- Hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, hàng hoá từ nội địa bán vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan, hàng hoá được mua bán giữa các khu phi thuế quan với nhau.
- Tàu bay, du thuyền sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hoá, hành khách, kinh doanh du lịch và tàu bay sử dụng cho mục đích an ninh, quốc phòng.
- Điều hoà nhiệt độ có công suất từ 90.000 BTU trở xuống, theo thiết kế của nhà sản xuất chỉ để lắp trên phương tiện vận tải, bao gồm ô tô, toa xe lửa, tàu, thuyền, tàu bay.
- *Xe ô tô dưới 24 chỗ có thể sd phục vụ sxkd cho khu chế xuất và mục đích kinh doanh khác, do vậy việc quản lý xe sử dụng cho mục đích khác là rất khó khăn. Do vậy để ngăn ngừa hành vi trốn hoặc tránh thuế thì xe ô tô dưới 24 chỗ bán cho DN ở khu chế xuất vẫn đánh thuế TTĐB*

**CÂU 4:** Trình bày tóm tắt nội dung phương pháp khấu trừ thuế GTGT. Phân tích ưu, nhược điểm của phương pháp này

Tóm tắt:

- Đối tượng áp dụng: Đối tượng áp dụng phương pháp khấu trừ thuế là cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hoá đơn, chứng từ và đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế, bao gồm các trường hợp sau
  - o Cơ sở kinh doanh đang hoạt động có doanh thu hàng năm từ bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ từ 1 tỷ đồng trở lên.
  - o Cơ sở kinh doanh đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế
- Cách xác định thuế GTGT phải nộp

**Thuế GTGT phải nộp trong kỳ = Thuế GTGT đầu ra - Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ**

- Nguyên tắc xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:
  - o Thuế GTGT đầu vào của HHDV sử dụng cho HĐ SXKD chịu thuế GTGT thì được khấu trừ toàn bộ, kể các HHDV được sản xuất hay mua vào mà DN sử dụng để khuyến mãi, quảng cáo dưới các hình thức phục vụ cho HĐSXKD chịu thuế GTGT và thuế GTGT đầu vào không được bồi thường của HH chịu thuế GTGT bị tổn thất.
  - o Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với HHDV có mua vào( bao gồm cả hàng hoá NK) có giá trị từng lần từ 20trđ trở lên.
  - o Đối với hàng hoá xuất khẩu ngoài các quy định trên còn phải có hợp đồng ký kết với bên nước ngoài về việc bán hàng, gia công, cung ứng dịch vụ , hoá đơn bán hàng dịch vụ, chứng từ thanh toán qua ngân hàng, tờ khai hải quan.

### **Phân tích ưu nhược điểm của phương pháp khấu trừ thuế GTGT**

<b>Ưu điểm</b>	<b>Nhược điểm</b>
Xác định chính xác giá trị gia tăng để tính thuế.	Đòi hỏi rất cao về trình độ quản lý và hạch toán hóa đơn chứng từ
Thúc đẩy thực hiện tốt chế độ kế toán hóa đơn chứng từ.	
Nếu làm tốt công tác quản lý thì PP khấu trừ tạo ra cơ chế kiểm soát tự động để ngăn ngừa hành vi trốn thuế.	Nếu quản lý không tốt, việc gian lận hóa đơn chứng từ thì bị thất thu, chiếm đoạt ngân sách nhà nước.
Thực hiện nguyên tắc đánh thuế theo điểm đến	



**CÂU 5: Thế nào là giảm trừ gia cảnh. Nêu khái quát quy định về giảm trừ gia cảnh trong Luật thuế TNCN. Giải thích ý nghĩa của giảm trừ gia cảnh.**

- Giảm trừ gia cảnh: GTGC là số tiền được trừ vào thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công, kinh doanh của cá nhân cư trú. Mức giảm trừ gia cảnh tùy thuộc vào gia cảnh của mỗi người nộp thuế.
- Khái quát quy định giảm trừ gia cảnh
  - o Giảm trừ bản thân: **9trđ/tháng**
  - o Giảm trừ người phụ thuộc: **3,6trđ/người/tháng**
  - o Người phụ thuộc có rất nhiều loại nhưng phải đảm bảo điều kiện là không có thu nhập hoặc thu nhập bình quân 1 tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu không vượt quá 1trđ/tháng.
- Ý nghĩa:
  - o Nhà nước không đánh thuế vào khoản thu nhập trung bình tối thiểu của XH dùng để tái tạo sức lao động.
  - o Đảm bảo tính công bằng trong đánh thuế ( Công bằng ngang: những người có điều kiện cá nhân giống nhau thì nộp thuế giống nhau; Công bằng dọc: người có thu nhập cao hơn thì đóng thuế nhiều hơn)
  - o Khuyến khích người nộp thuế phát huy truyền thống đạo lý quý báu lá lành đùm lá rách.

**Câu 6: Nêu các khoản thu nhập được miễn thuế TNDN. Nêu ý nghĩa của việc miễn thuế TNDN. (Đã hỏi năm 2014)**

**Ý nghĩa: Khuyến khích sử dụng người lao động khuyết tật**

**Câu 7: Nêu các khoản thu nhập được miễn thuế TNCN. Nêu ý nghĩa của việc miễn thuế TNCN.**

**Có 10 khoản được miễn thuế TNDN**

- Thu nhập từ chuyển nhượng BĐS; thừa kế quà tặng là BĐS giữa vợ với chồng; cha đẻ mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi mẹ nuôi với con nuôi; cha chồng mẹ chồng với con dâu; cha vợ mẹ vợ với con rể; ông nội bà nội với cháu nội; ông ngoại bà ngoại với cháu ngoại; anh chị em ruột với nhau. ( ý nghĩa:
- Thu nhập từ nhà ở, quyền SDD ở và TSKGLVD của cá nhân trong trường hợp là tài sản duy nhất tại Việt Nam.

- Thu nhập từ giá trị quyền sử dụng đất của cá nhân được Nhà nước giao đất không phải trả tiền hoặc được giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.
- Thu nhập của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường.
- Thu nhập từ chuyển đổi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao để sản xuất.
- Thu nhập từ lãi tiền gửi tại ngân hàng, tổ chức tín dụng, thu nhập từ lãi hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.
- Thu nhập từ kiều hối.
- Phần tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với tiền lương, tiền công làm việc ban ngày làm trong giờ theo quy định.
- Tiền lương hưu do Bảo hiểm xã hội chi trả theo quy định
- Thu nhập từ học bổng.
- Thu nhập từ bồi thường hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe
- Tiền bồi thường tai nạn lao động; tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
- Thu nhập nhận được từ các quỹ từ thiện.
- Thu nhập nhận được từ nguồn viện trợ nước ngoài vì mục đích từ thiện, nhân đạo dưới hình thức Chính phủ và phi Chính phủ.
- Thu nhập từ tiền lương, tiền công của thuyền viên là người Việt Nam nhận được do làm việc cho các hãng tàu nước ngoài hoặc các hãng tàu Việt Nam vận tải quốc tế.
- Thu nhập của cá nhân là chủ tàu, cá nhân có quyền sử dụng tàu và cá nhân làm việc trên tàu có được từ hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ trực tiếp phục vụ hoạt động khai thác thủy sản xa bờ.

**CÂU 8: Thế nào là cá nhân cư trú. Chỉ ra sự khác biệt về nghĩa vụ thuế giữa cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú? Năm 2014**

- Cá nhân cư trú: Là đối tượng nộp thuế với thu nhập chịu thuế phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả thu nhập
- Cá nhân cư trú phải thoả mãn 1 trong các điều kiện sau:

- Có mặt tại VN ( có sự hiện diện trên lãnh thổ Việt Nam) từ 183 ngày trở lên tính trong 1 năm dương lịch hoặc 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại VN.
- Có nơi ở thường xuyên tại VN theo 1 trong 2 trường hợp sau
  - Có nơi ở thường xuyên theo quy định của pháp luật về cư trú
  - Có nhà thuê để ở tại VN theo quy định về nhà ở với thời hạn của hợp đồng thuê từ 183 ngày trở lên trong năm tính thuế.
    - Nếu cá nhân có nơi ở thường xuyên nhưng có mặt tại VN dưới 183 ngày trong năm tính thuế mà không chứng minh được là cá nhân cư trú ở nước nào thì là cá nhân cư trú ở VN

### Sự khác biệt giữa cá nhân cư trú và không cư trú

Cư trú	Không cư trú
Nộp thuế đối với thu nhập toàn cầu	Thu nhập phát sinh ở Việt Nam
Kỳ tính thuế tùy theo loại thu nhập mà kỳ tính thuế theo năm hoặc theo lần phát sinh	Kỳ tính thuế theo lần phát sinh thu nhập
Tùy theo loại thu nhập mà áp dụng thuế suất lũy tiến hoặc thuế suất toàn phần	Chỉ áp dụng thuế suất toàn phần
Đối với khoản thu nhập từ tiền công tiền lương từ kinh doanh thì được giảm trừ gia cảnh và các khoản đóng góp từ thiện, BHBB và BH tự nguyện	Không được giảm trừ giá cảnh và các khoản đóng góp từ thiện, BHBB và bảo hiểm tự nguyện
Tùy theo từng trường hợp cụ thể mà có thể kê khai quyết toán thuế hoặc không	Không quyết toán thuế TNCN

### **CÂU 9: Việc khấu trừ thuế đối với khoản thu nhập từ tiền công vãng lai được quy định như thế nào? Tại sao lại quy định như vậy?**

- Theo quy định về thuế thu nhập cá nhân thì thu nhập vãng lai được khấu trừ tại nguồn theo tỷ lệ 10% thu nhập từ 2trđ trở lên/lần trả thu nhập ( không phân biệt chưa có hay chưa có mã số thuế).
- Quy định khấu trừ tại nguồn: Để quản lý chặt thu nhập chịu thuế, ngăn ngừa trốn thuế, gian lận thuế.

- Trên 2trđ/lần chi trả: Cần phải quy định 1 ngưỡng để khấu trừ. Nếu để ngưỡng thấp quá sẽ phát sinh nhiều công việc hoàn thuế.

**Câu 10: Giảm trừ cho đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học được quy định như thế nào? Phân tích ý nghĩa của giảm trừ đóng góp từ thiện**

- Các khoản giảm trừ đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học
  - o Khoản chi đóng góp vào các tổ chức, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người tàn tật, người già không nơi nương tựa (các cơ sở tổ chức được thành lập theo QĐ của PL), có chứng từ thu hợp pháp.
  - o Khoản chi đóng góp vào các quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học được thành lập và hoạt động theo quy định pháp luật. Có chứng từ thu hợp pháp.
  - o Các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học phát sinh năm nào được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế của năm đó. Mức giảm trừ tối đa không vượt quá thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ kinh doanh của năm phát sinh đóng góp từ thiện nhân đạo.
- Ý nghĩa: Khuyến khích cá nhân làm từ thiện.

**Câu 11: Trình bày các cách phân loại thuế. Phân tích ý nghĩa của phân loại thuế.**

- Hiện tại, thuế được phân loại theo các cách sau
  - o Phân loại theo cấp độ hành chính: Thuế nhà nước (Quốc gia), thuế địa phương. Hiện tại nước ta không sử dụng phân loại này
  - o Phân loại theo tính chất kinh tế:
  - o Phân loại theo tính chất kỹ thuật
    - Gian thu
    - Trực thu
    - Thuế lũy tiến
    - Tỷ lệ thuế
- Ý nghĩa:
  - o Thông qua phân loại thuế thì thấy được ưu điểm, nhược điểm và điều kiện áp dụng của từng loại thuế

- Xây dựng chính sách thuế hợp lý: Nhà nước phối hợp các loại thuế để chúng bổ sung lẫn nhau
- Giúp tổ chức quản lý thu thuế hợp lý

**CÂU 12: Trình bày các đặc điểm của thuế tiêu thụ đặc biệt. Tại sao nói thuế tiêu thụ đặc biệt có tác dụng làm giảm tính lũy thoái của thuế giá trị gia tăng dù bản thân nó có tính lũy thoái?**

- Khái niệm : Thuế TTĐB là sắc thuế đánh vào một số hàng hoá, dịch vụ nằm trong danh mục nhà nước cần thiết điều tiết sản xuất hoặc hướng dẫn tiêu dùng.
- Thuế TTĐB có các đặc điểm sau
  - **Thuộc thuế gián thu:** Thuế TTĐB được cầu thành trong giá bán của hàng hoá, dịch vụ do người tiêu dùng chịu khi mua HHDV. Người nộp thuế là người sản xuất hh và cung ứng dịch vụ chịu thuế TTĐB. Người chịu thuế TTĐB là người tiêu dùng hhdv thuộc diện chịu thuế TTĐB.
  - **Thuế tiêu dùng 1 giai đoạn:** Thuế TTĐB chỉ đánh 1 lần khâu sản xuất, nhập khẩu hàng hoá hoặc kinh doanh dịch vụ. Các quốc gia trên thế giới không đánh thuế TTĐB ở khâu thương mại.
  - **Phạm vi điều tiết không rộng:** Số lượng và đối tượng HHDV thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB không nhiều và thường thay đổi theo điều kiện kinh tế xã hội của mỗi quốc gia trong từng giai đoạn lịch sử nhất định.
- **Tại sao nói thuế TTĐB có tác dụng giảm tính lũy thoái của thuế GTGT.**
  - **Thuế GTGT có tính lũy thoái:** có tính chất công bằng ngang, mọi người tiêu dùng cùng 1 số lượng hhdv như nhau đều chịu thuế như nhau ( không phân biệt thu nhập cao hay thấp). Do vậy tỷ trọng tiền thuế trả cho HHDV của người thu nhập cao ít hơn người có thu nhập thấp.
  - **Lý do:** Vì thuế TTĐB chỉ điều tiết trong phạm vi hạn hẹp của của các HHDV thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, do đó chỉ những người có thu nhập cao mới có thể tiêu dùng các hhdv này ( xe ô tô, chơi gôn), do đó thuế TTĐB điều tiết thu nhập trong tiêu dùng ( hạn chế tiêu dùng), do đó nó làm giảm tính lũy thoái của thuế GTGT.

**CÂU 13: Nhận định sau đây có đúng không, tại sao, cho ví dụ minh họa “Toàn bộ**

## **chi phí tập hợp trên các hóa đơn, chứng từ hợp pháp đều được trừ khi tính thuế TNDN trong kỳ tính thuế”**

- Theo quy định của pháp luật về thuế TNDN các xác định chi phí được trừ khi tính thuế TNDN phải thỏa mãn các điều kiện sau:
    - o Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến HĐ SXKD của doanh nghiệp.
    - o Khoản chi có đầy đủ hoá đơn chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.
    - o Các khoản chi nếu có hoá đơn mua hhdv từng lần có giá trị từ 20trđ trở lên ( đã bao gồm thuế GTGT) **khi thanh toán** phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.
    - o Không thuộc các trường hợp các khoản chi không được trừ theo quy định
- ⇒ Như vậy, nhận định trên chỉ mới thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện để xác định chi phí được trừ và chưa nhận biết các khoản chi này có thuộc các khoản chi không được trừ theo quy định
- ⇒ Kết luận: Nhận định trên đây chưa đúng. Chỉ đúng 1 phần.

Ví dụ: Tự làm.

### **Câu 14: Nhận định sau đây có đúng không, tại sao, cho ví dụ minh họa “Toàn bộ thuế GTGT đầu vào tập hợp trên các hóa đơn GTGT đều được khấu trừ trong kỳ tính thuế”.**

- Theo quy định của pháp luật về thuế GTGT thì thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong kỳ phải thỏa mãn các nguyên tắc điều kiện sau

#### **+ Các trường hợp không đúng nguyên tắc:**

- Thuế GTGT đầu vào của HHDV dùng để **sản xuất HHDV không thuộc** diện chịu thuế GTGT thì không được khấu trừ.
  - + **Ví dụ minh họa:** Doanh nghiệp A mua máy móc thiết bị phục vụ cho việc sản xuất muối thì tiền thuế GTGT của việc mua máy móc thiết bị đó không được khấu trừ đầu vào.
- Thuế GTGT đầu vào **dùng chung** cho hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT phân bổ sai quy định thì không được khấu trừ.
  - + **Ví dụ minh họa:** Trong kỳ doanh nghiệp có số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ là 100tr, doanh thu tính thuế GTGT là 1 tỷ, Doanh thu không chịu thuế GTGT là 1 tỷ. Doanh nghiệp phân bổ số thuế GTGT đầu vào phân bổ được khấu trừ là 60 tr. Như vậy doanh nghiệp đã phân bổ sai, Doanh nghiệp chỉ được khấu trừ 50tr và không được khấu trừ là 50tr.

- Thuế GTGT đầu vào của cơ sở SXKD nộp thuế theo **phương pháp trực tiếp**.
- Hóa đơn GTGT đầu vào sử dụng không đúng quy định như:
  - o Không ghi thuế suất thuế GTGT (trừ trường hợp đặc thù).
  - o Hóa đơn không ghi hoặc ghi không đúng một trong các tiêu chí như tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán (người mua) nên không xác định được người bán (người mua).
  - o Hóa đơn chứng từ nộp thuế GTGT giả, hóa đơn bị tẩy xóa, hóa đơn không (không có dịch vụ hàng hóa kèm theo).
  - o Hóa đơn ghi không đúng giá trị thực tế hhdv mua bán, trao đổi.
- Thuế GTGT đầu vào của số lượng hàng hóa **hao hụt vượt định mức** hao hụt theo quy định. Ví dụ hao hụt của xăng, dầu.
- Tài sản cố định là ô tô chở người từ **9 chỗ ngồi trở xuống** (trừ ô tô sử dụng vào kinh doanh vận chuyển hàng hoá, hành khách, kinh doanh du lịch, khách sạn; ô tô dùng để làm mẫu và lái thử cho kinh doanh ô tô) có trị giá vượt trên 1,6 tỷ đồng (giá chưa có thuế GTGT) thì số thuế GTGT đầu vào tương ứng với phần trị giá vượt trên 1,6 tỷ đồng không được khấu trừ.
- Thuế GTGT đầu vào của TSCĐ, máy móc thiết bị của Tổ chức tín dụng, DN kinh doanh tái bảo hiểm, bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh chứng khoán, cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở đào tạo.
- Thuế GTGT đầu vào của TSCĐ sản xuất vũ khí, khí tài phục vụ an ninh quốc phòng.
- Thuế GTGT đầu vào của tàu bay, du thuyền không dùng cho kinh doanh vận tải, du lịch, khách sạn.
- Thuế GTGT của hhdv đầu vào bỏ sót chưa kê khai, đã kê khai bổ sung sau khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

**+ Các trường hợp không đáp ứng điều kiện:**

- Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa có giá trị từng lần mua từ 20tr đồng thanh toán không dùng tiền mặt.
- Thuế GTGT đầu vào dùng chung cho hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế và không chịu thuế GTGT nhưng phân bổ sai quy định của pháp luật.

- Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa vật tư tồn thất đã xác định được trách nhiệm bồi thường.

⇒ Như vậy nhận định trên là chưa đúng

**Câu 15: Phân tích vai trò của thuế xuất khẩu, nhập khẩu ? Trong điều kiện hội nhập quốc tế thì vai trò bảo hộ của thuế XNK thay đổi như thế nào.**

- Vai trò thuế xuất khẩu
  - Mang lại nguồn thu ngoại tệ lớn cho ngân sách nhà nước.
  - Thuế xuất khẩu nhập khẩu mang lại nguồn thu lớn cho nhà nước.
  - Là công cụ điều hành, điều tiết vĩ mô nền kinh tế của Chính phủ thông qua điều tiết thuế suất hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu hoặc thúc đẩy xuất khẩu, nhập khẩu.
  - Góp phần bảo vệ hàng hóa trong nước, chống nhập lậu, bán phá giá.
- Trong điều kiện hội nhập thì xu hướng thuế nhập khẩu giảm → vai trò bảo hộ của thuế XNK giảm đi nhưng không mất hẳn. Nhưng có 1 số mặt hàng quốc gia không cắt giảm (liên quan đến an ninh quốc gia, quốc phòng, an sinh xã hội)

**Câu 15:** Khi kiểm tra quyết toán thuế tại một cơ sở kinh doanh, cán bộ thuế loại trừ chi phí lãi vay khỏi chi phí cơ sở kinh doanh đó kê khai 150 trđ. Hãy chỉ ra những nguyên nhân về pháp lý của tình hình trên.

- Theo quy định của pháp luật về thuế TNDN các xác định chi phí được trừ khi tính thuế TNDN phải thỏa mãn các điều kiện sau:
  - Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến HĐ SXKD của doanh nghiệp.
  - Khoản chi có đầy đủ hoá đơn chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.
  - Các khoản chi nếu có hoá đơn mua hhdv từng lần có giá trị từ 20trđ trở lên ( đã bao gồm thuế GTGT) **khi thanh toán** phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.
  - Không thuộc các trường hợp các khoản chi không được trừ theo quy định
- Như vậy chi phí lãi vay thỏa mãn phải thỏa mãn các điều kiện được trừ và không rơi vào các khoản không được trừ theo quy định như sau
  - Chi trả lãi vay không tương ứng với phần vốn điều lệ đăng ký còn thiếu theo tiền độ góp vốn
  - Chi phí lãi vay vốn sản xuất kinh doanh của đối tượng không phải tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt 150% mức lãi suất cơ bản do NHNN VN công bố.



**16. Nhận định: “Chỉ có doanh nghiệp sử dụng nguyên liệu đã chịu thuế TTĐB để sản xuất hàng hóa thuộc diện chịu thuế TTĐB mới được khấu trừ thuế TTĐB” có đúng không? Tại sao? Cho ví dụ minh họa.**

- Trong sắc thuế TTĐB có quy định về khấu trừ thuế TTĐB như sau:
  - o Người nộp thuế sản xuất HH thuộc diện chịu thuế TTĐB bằng các nguyên liệu chịu thuế TTĐB được khấu trừ số thuế TTĐB đã nộp đối với nguyên liệu nhập khẩu hoặc đã trả với nguyên liệu đã mua trực tiếp từ CSSX trong nước khi xác định thuế TTĐB phải nộp. Số thuế TTĐB được khấu trừ tương ứng với số thuế TTĐB của nguyên liệu đã sử dụng để sản xuất hàng hóa bán ra. Số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết trong kỳ thì chuyển sang kỳ sau.
  - o Người nộp thuế TTĐB đối với hàng hóa NK được khấu trừ số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nhập khẩu khi xác định số thuế TTĐB phải nộp bán ra trong nước. Số thuế TTĐB được khấu trừ tương ứng với số thuế TTĐB nhập khẩu bán ra trong nước và chỉ khấu trừ tối đa tương ứng bằng với số thuế TTĐB tính được ở khâu bán ra trong nước.
- Như vậy nhận định trên là đúng nhưng chưa đủ vì còn thiếu trường hợp nhập khẩu HH chịu thuế TTĐB và bán ra trong nước
- **Ví dụ:** Trong kỳ kê khai thuế, cơ sở A phát sinh các nghiệp vụ sau:
  - + Nhập khẩu 10.000 lít rượu nước, đã nộp thuế TTĐB khi nhập khẩu 250 triệu đồng (căn cứ biên lai nộp thuế TTĐB ở khâu nhập khẩu).
    - o Thuế TTĐB cho 1 lít rượu:  $250.000.000/10.000 = 25.000$  đ/lít.
  - + Xuất kho 8.000 lít để sản xuất 12.000 chai rượu.
  - + Xuất bán 9.000 chai rượu tương đương số lít rượu là
    - o  $8.000/12.000 \times 9.000 = 6.000$  lít.
  - + Số thuế TTĐB phát sinh khi xuất bán của 9.000 chai rượu xuất bán là 350 triệu đồng.
  - + Số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nhập khẩu nước rượu phân bổ cho 9.000 chai rượu đã bán ra là:  $6 \times 25 = 150$  triệu đồng.
  - + Số thuế TTĐB cơ sở A phải nộp trong kỳ là:  $350$  triệu đồng -  $150$  triệu đồng =  $200$  triệu đồng.

